TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 23/02/2022
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ông*: Nguyễn Anh Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-DS ngày ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 25/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố C, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Nhật A, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (*theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2019*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tô Việt Y – Luật sư của văn phòng luật sư N V L thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí M.
Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Trú tại: 935 QL 55, Thôn H, xã Tân T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã Tân T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2000. (có mặt)

Trú tại: Khu phố D, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (*theo văn bản ủy*

quyền ngày 18/6/2020)

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: 935 QL 55, Thôn H, xã Tân T, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên cha, mẹ bà là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 có tạo lập được một khối tài sản gồm: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích 647,7m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988; tổng số thửa đất số 8 (gồm các thửa số: 6, 8, 8a, 8b, 10, 11, 12 và 279) diện tích 20.154m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 23, diện tích 512,9m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 540647; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989; thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 100 diện tích 476,8m^2 và căn nhà gắn liền trên đất và thửa đất số 101, diện tích 200m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 792001, tọa lạc tại QL55, Thôn H, xã Tân T, huyện HT. Cha, mẹ bà có 03 người con gồm: ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980 ngoài ra không còn có người nào khác, hiện nay thì hàng thừa kế thứ nhất chỉ còn 03 người con, ông bà nội, ngoại đều đã chết nên không còn có ai có quyền hưởng di sản thừa kế của ông Th, bà Th1. Năm 2013 cha bà là Nguyễn Văn Th chết và đến năm 2019 mẹ là Nguyễn Thị Th1 cũng đã chết, khi cha, mẹ bà chết thì không để lại di chúc nên ông Nguyễn Ngọc Q đã chiếm giữ tất cả các giấy tờ có liên quan đến di sản thừa kế mà không chia cho các đồng thừa kế nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 gồm các diện tích đất và căn nhà trên đất theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận $^1/_3$ di sản thừa kế và có nguyện vọng được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất vì hiện nay bà không có đất để canh tác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Cha ông là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1936, chết Năm 2013 và mẹ là Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1952, chết năm 2019. Lúc sinh thời cha, mẹ có 03 người con là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980 ngoài ra cha, mẹ không có con riêng, con nuôi nào khác. Khi cha, mẹ chết thì không có di chúc tuy nhiên toàn bộ các thửa đất hiện nay vợ chồng ông đang sử dụng không phải là di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Văn Th để lại vì:

Đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích 647,7m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988 thì trước đây diện tích là 1.996m^2 đã được tách ra thành thửa số 19 diện tích 512,9m^2 và thửa số 20 diện tích 835m^2. Thửa đất số 20 thì bà Th1 đã cho bà M và chính bà M đã nhờ bà Th1 bán cho người khác hiện nay còn thửa đất số 19, tờ bản đồ số 23, diện tích 512,9m^2, Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BQ 540647 hiện nay ông đang sử dụng nhưng vào năm 1994 mẹ ông đã đổi cho ông Nguyễn M Thanh để lấy 01 con bò.

Đối với 08 thửa đất gồm các thửa số: 6, 8, 8a, 8b, 10, 11, 12 và 279 diện tích 20.154m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 và thửa đất số 278, tờ bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989 có nguồn gốc là do vợ chồng ông khai phá, sau đó nhờ bà Nguyễn Thị Th1 đứng tên kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là của bà Nguyễn Thị Th1 nên không phải là di sản thừa kế.

Đối với thửa đất số 100 diện tích 476,8m^2 và căn nhà gắn liền trên đất và thửa đất số 101, diện tích 200m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tọa lạc tại QL55, thôn Hàm Thắng, xã Tân Thắng là khi bà Nguyễn Thị Th1 còn sống chung với gia đình ông thì bà Th1 đã nói là nhà tự để lại cho cháu nội đích tôn nhưng chưa kịp sang tên thì đã chết.

Như vậy bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Th và bà Th1 là không có căn cứ nên ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày là tài sản chung của cha, mẹ là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1. Sinh thời thì cha mẹ có 03 người con như bà M và ông Q đã trình bày; năm 2013 thì ông Th chết và đến năm 2019 thì bà Th1 chết không để lại di chúc nhưng ông Q đã chiếm dụng và sử dụng riêng, không chia cho các chị em trong gia đình. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà có nguyện vọng được nhận đất để canh tác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và bà Nguyễn Thị Kim L đã không chấp hành theo quy định.

Bị đơn và bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 217, Điều 218 tiếp tục phiên tòa.

Về nội dung: Xét yêu cầu của và Nguyễn Thị Kim M về việc chia thừa kế là quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích 647,7m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988; các thửa số: 8, 8a, 8b, 10, 11, 12 và 279 có diện tích 18.469 trong tổng diện tích 20.154m^2, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 23, diện tích 512,9m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 540647; thửa đất số 278, tờ

bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989; thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 100 diện tích 476,8m^2 và căn nhà gắn liền trên đất và thửa đất số 101, diện tích 200m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 792001, tọa lạc tại QL55, thôn H, xã T; qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp đứng tên ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1. Khi ông Th và bà Th1 chết không để lại di chúc nên phát sinh việc thừa kế theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà L cho rằng các thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích 647,7m^2, thửa số: 6, 8, 8a, 8b, 10, 11, 12 và 279 diện tích 20.154m^2, và thửa đất số 278, tờ bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2 có nguồn gốc là do vợ chồng ông, bà khai phá, sau đó nhờ bà Nguyễn Thị Th1 đứng tên kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có căn cứ để chứng M. Tại Công văn số 4531/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện HT đã xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 792001 ngày 24/7/1995 là cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Th và toàn bộ diện tích cấp Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất còn lại là cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị Th1. Năm 2012 ông Nguyễn Văn Th chết và đến năm 2019 bà Ngyễn Thị Th1 chết nhưng không để lại di chúc nên đây là di sản thừa kế do người chết để lại. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày những người thừa kế gồm ông Nguyễn Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Kim M và bà Nguyễn Thị Kim B và đã được UBND xã Tân Thắng xác nhận ngoài những người trên thì ông Th và bà Th1 không còn con nuôi, con riêng nào khác do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim M, chia toàn bộ di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 cho ba người con theo quy định. Đối với thửa đất số 6, 12, 19 và 20 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các đương sự trình bày là đã chuyển nhượng cho người khác nên không yêu cầu chia thừa kế do đó không đề nghị xem xét.; đối với thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì theo văn bản số 4531/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân là diện tích đất vượt hạn mức nên chuyển sang hình thức cho thuê đất mà chưa có quyền sử dụng đất và tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý để ông Q tiếp tục canh tác và không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản thừa kế do cha, mẹ chết để lại không có di chúc. HĐXX thấy rằng đây là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" được quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quyền khởi kiện của người khởi kiện: Toàn bộ tài sản tranh chấp là tài sản của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 chết để lại không có di chúc và chưa chia. Bà Ngyễn Thị Kim M là con của ông Th và bà Th1 nên bà M có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

Về nội dung:

[1]. Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim B trình bày thì nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1. Năm 2013 cha bà là Nguyễn Văn Th chết và đến năm 2019 mẹ là Nguyễn Thị Th1 cũng đã chết, khi cha, mẹ bà chết thì không để lại di chúc nên ông Nguyễn Ngọc Q đã chiếm giữ tất cả các giấy tờ có liên quan đến di sản thừa kế và sử dụng mà không chia cho các đồng thừa kế nên yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng các thửa đất số 07, thửa số: 6, 8, 8a, 8b, 10, 11, 12, 279 và thửa đất số 278 có nguồn gốc là do vợ chồng ông khai phá, sau đó nhờ bà Nguyễn Thị Th1 đứng tên kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là của bà Nguyễn Thị Th1 nên không phải là di sản thừa kế; đối với thửa đất số 100 và căn nhà gắn liền trên đất và thửa đất số 101 là khi bà Nguyễn Thị Th1 còn sống chung với gia đình ông thì bà Th1 đã nói là nhà tự để lại cho cháu nội đích tôn nhưng chưa kịp sang tên thì đã chết.

[1.1]. Hội đồng xét xử thấy rằng thửa đất số 100 diện tích 476,8m^2 có căn nhà gắn liền trên đất và thửa đất số 101, diện tích 200m^2, tọa lạc tại QL55, thôn Hàm Thắng, xã Tân Thắng có nguồn gốc do ông Th, bà Th1 tự khai phá đến năm 1995 đã được UBND huyện Hàm Tân cấp giấy CNQSD đất số C 792001 ngày 24/7/1995 đứng tên ông Nguyễn Văn Th; mặc dù Giấy CNQSD đất đứng tên một mình ông Th, tuy nhiên tại thời điểm cấp Giấy CNQSD đất thì chỉ ghi tên chủ hộ và ông Th và bà Th1 đang là vợ chồng nên vẫn là tài sản chung của ông Th, bà Th1. Khi ông Th chết thì không để lại di chúc và bà Th1, ông Q tiếp tục sử dụng, đến năm 2019 bà Th1 chết không để lại di chúc nên đây là di sản do ông Th và bà Th1 để lại. Theo ông Q trình bày thì bà Th1 đã nói là nhà tự để lại cho cháu nội đích tôn chưa kịp sang tên nhưng không có tài liệu gì để chứng M nên không có cơ sở.

[1.2]. Đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích là 1.996m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988 có nguồn gốc là do ông Th, bà Th1 khai phá năm 1972, đến ngày 27/3/2014 đã được UBND huyện Hàm Tân cáp Giấy

CNQSD đất. Đến ngày 14/11/2014 bà Th1 đã làm thủ tục tách thửa thành thửa số 19 diện tích 512,9m^2 và thửa số 20 diện tích 835,4m^2, diện tích còn lại sau khi tách thửa là 647,7m^2. Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 23 diện tích 835,4m^2 và thửa đất 19 diện tích 512,9m^2 các đương sự trình bày là đã chuyển nhượng cho người khác nên không yêu cầu giải quyết đối với các thửa đất này do đó HĐXX không xem xét. Riêng diện tích còn lại của thửa đất số 07 sau khi tách thửa là 647,7m^2 hiện nay ông Q đang sử dụng, theo ông Q trình bày thì diện tích đất này do ông khai phá là không có cơ sở vì diện tích đất này được cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị Th1 và trong quá trình sử dụng thì bà Th1 là người làm thủ tục tách thửa và sang tên cho người khác, ông Q không có chứng cứ gì để chứng M do đó diện tích 647,7m^2 thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988 là di sản do bà Th1 để lại nên yêu cầu chia thừa kế của bà M và bà B là có căn cứ.

[1.3]. Đối với các thửa đất gồm thửa số: 8, 8a, 8b, 10, 11 và 279 diện tích 18.469m^2 trong tổng diện tích 20.154, được UBND huyện HT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 10/4/2014 và thửa đất số 278, tờ bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2, được UBND huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989 ngày 27/3/2014. Theo ông Q, bà L trình bày thì toàn bộ diện tích đất trên do vợ chồng ông, bà khai phá và nhờ bà Th1 đứng tên nhưng theo hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất thì tại đơn xin cấp Giấy CNQSD đất bà Th1 đã khai nguồn gốc đất khai phá năm 1972, đồng thời bà Th1 là người thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy CNQSD đất. Tại Công văn số 4531/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện HT đã xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 ngày 10/4/2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989 ngày 27/3/2014 là cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị Th1. Do đó lời trình bày của ông Q, bà L là không có cơ sở, nên diện tích 18.469m^2 trong tổng diện tích 20.154 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 ngày 10/4/2014 và diện tích 17.582m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989 ngày 27/3/2014 là di sản thừa kế do bà Th1 để lại nên việc bà M, bà B yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ.

[1.4]. Đối với thửa đất số 6 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 theo các đương sự trình bày thì đã được chuyển nhượng cho người khác nên hiện nay không còn và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5]. Đối với thửa đất số 280, diện tích 2.708m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy rằng trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Th1 cũng đã xin cấp Giấy đối với diện tích đất này bà thực tế thì hiện nay ông Q, bà L vẫn đang trực tiếp canh tác, sử dụng, tuy nhiên theo Công văn số 4531/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân thì do đất cấp cho bà Th1 đã vượt hạn điền nên chuyển sang hình thức cho thuê đất nhưng trình tự, thủ tục phải được UBND xã Tân Thắng xem xét lại tính pháp lý (đối tượng, sử dụng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, việc sử dụng đất ổn định ...) trước khi trình các cơ quan, ban ngành của huyện xem xét,

thẩm định do đó diện tích đất trên chưa công nhận quyền sử dụng đất cho bà Th1 nên đây không phải là di sản thừa kế. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày diện tích đất này không phải là di sản nên không yêu cầu chia thừa kế và đồng ý để ông Q tiếp tục canh tác sử dụng.

[2]. Tại Công văn số 4531/UBND-TNMT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân về việc phúc đáp Công văn số 81/TAHT ngày 25/10/2021 thì UBND huyện Hàm Tân cũng đã khẳng định việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 là đúng đối tương và đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[3]. Từ những phân tích nêu trên có thể khẳng định các thửa đất số 07, tờ bản đồ số 23, diện tích 647,7m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988; tổng số thửa đất số 8 (gồm các thửa số: 8, 8a, 8b, 10, 11 và 279) diện tích 18.469m^2 trong tổng diện tích 20.154, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980; thửa đất số 278, tờ bản đồ số 23, diện tích 17.582m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989; thửa đất số 100 diện tích 476,8m^2 và thửa đất số 101, diện tích 200m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 792001, tọa lạc tại QL55, thôn Hàm Thắng, xã Tân Thắng là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 để lại.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 có 03 người con là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980 ngoài ra ông Th, bà Th1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Năm 1912 ông Th chết, toàn bộ tài sản chung của ông Th và bà Th1 được bà Th1 và ông Q tiếp tục canh tác, sử dụng. Năm 2019 bà Th1 chết không để lại di chúc nên các đồng thừa kế có quyền yêu cầu chia thừa kế là phù hợp. Do ông Th, bà Th1 chỉ có ba người con là người thuộc diện, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế, ngoài ra không còn người nào khác do vậy toàn bộ di sản thừa kế được chia đều cho những người thuộc diện thừa kế và là hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Nguyễn Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Kim M và bà Nguyễn Thị Kim B.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều có nguyện vọng được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất để canh tác vì hiện nay bà M và bà B không có đất để sản xuất. Theo nguyên đơn trình bày thì bà có nguyện vọng được nhận thửa đất số 07, thửa đất số 08, 8a, 8b, thửa đất số 10 và thửa đất số 101; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nguyện vọng được nhận thửa đất số 278, riêng ông Nguyễn Ngọc Q thì không đồng ý chia và không trình bày nguyện vọng của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất của bà M và bà B là có cơ sở. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi trong việc canh tác, sản xuất cho những người được hưởng di sản thừa kế, không phân nhỏ các thửa đất và không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của người khác nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho những người được hưởng thừa kế các thửa đất có sự tiếp giáp liền kề với nhau, riêng đối với thửa đất số 100 thì trên đất hiện có 02 căn nhà (01 căn nhà tạm và 01 căn nhà cấp 4c) hiện nay ông Q và vợ con đang ở nên cần giao cho ông Q là phù

hợp, người nào được nhận phần di sản nhiều hơn thì có trách nhiệm hoàn lại phần chênh lệch cho người khác.

[5]. Sau khi xem xét diện tích, vị trí của các thửa đất, căn cứ vào thực tế sử dụng của những người được hưởng di sản thừa kế và để đảm bảo đi lại khi canh tác, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho bà Nguyễn Thị Kim M thửa đất số 101, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m^2 và một phần diện tích của thửa đất số 100 (phần tiếp giáp giữa thửa đất số 101 và thửa đất số 07), diện tích 42,2m^2; một phần thửa đất số 07 (phần tiếp giáp với một phần chữ L của thửa 101 và thửa số 08) diện tích 369,2m^2; thửa đất số 08, diện tích 565m^2, thửa đất số 8b, diện tích 2.680m^2; thửa đất số 11, diện tích 4.700m^2 và thửa đất số 279, diện tích 2.684m^2. Giao cho ông Nguyễn Ngọc Q diện tích 434,6m^2 thuộc thửa đất số 101 (đã trừ phần đất giao cho bà M); một phần của thửa đất số 07, diện tích 278,5m^2 (đã trừ phần diện tích giao cho bà M); thửa đất số 8a, diện tích 1.811m^2 và thửa đất số 10, diện tích 6.029m^2. Giao cho bà Nguyễn Thị Kim B thửa đất số 278, diện tích 17.582m^2.

[6]. Tại Biên bản định giá ngày 02/12/2021 Hội đồng định giá do Tòa án thành lập đã xác định giá trị tài sản tranh chấp cụ thể: Thửa đất số 101 có giá 10.000.000đồng/m^2 x 200m^2 = 2.000.000.000đồng; thửa đất số 100 có giá 9.475.671đồng/m^2 x 476,8m^2 = 4.517.999.932đồng; thửa đất số 07 có giá 300.000đồng/m^2 x 647,7m^2 = 194.310.000đồng; thửa đất số 08 có giá 200.000đồng/m^2 x 565m^2 = 113.000.000đồng; thửa đất số 8a có giá 200.000đồng/m^2 x 1.811m^2 = 362.200.000đồng; thửa đất số 8b có giá 200.000đồng/m^2 x 2.680m^2 = 536.000.000đồng; thửa đất số 10 có giá 200.000đồng/m^2 x 6.029m^2 = 1.205.800.000đồng; thửa đất số 11 có giá 200.000đồng/m^2 x 4.700m^2 = 940.000.000đồng; thửa đất số 279 có giá 200.000đồng/m^2 x 2.684m^2 = 536.800.000đồng và thửa đất số 278 có giá 400.000đồng/m^2 x 17.582m^2 = 7.032.800.000đồng. Tổng giá trị toàn bộ di sản thừa kế quyền sử dụng đất là 17.438.909.932đồng (*Mười bảy tỉ bốn trăm ba mươi tám triệu chín trăm lẻ chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*)

[7]. Về tài sản trên đất: Theo nguyên đơn trình bày thì 02 căn nhà (01 nhà tạm và 01 nhà cấp 4) trên thửa đất số 101 là do cha mẹ để lại, tuy nhiên theo bị đơn thì căn nhà tạm được xây dựng năm 1988 là của cha, mẹ còn căn nhà cấp 4 xây dựng vào năm 2008 là do vợ chồng anh xây. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với căn nhà tạm trị giá 10.723.140đồng thì các đương sự đã thống nhất là của ông Th bà Th1 nên đây là di sản thừa kế; đối với căn nhà cấp 4 thì các bên không đưa ra được chứng cứ gì để chúng M cho lời trình bày của mình nhưng xét thực tế thì tại thời điểm xây dựng, bà M, bà Bạnh không còn sống chung với cha, mẹ nữa mà đã ở riêng, ông Q cũng đã có gia đình nhưng vẫn sống chung với ông Th bà Th1 trong khi đó thì ông Th, bà Th1 đã lớn tuổi nên việc xây dựng thêm nhà là không cần thiết, do đó để có cuộc sống ổn định và có nơi sinh hoạt cho gia đình riêng của mình thì ông Q đã xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất của cha, mẹ để ở nên đây là tài sản riêng của ông Q và bà L. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim B đồng ý giao các

căn nhà cho ông Nguyễn Ngọc Q được quyền sở hữu mà không yêu cầu chia thừa kế.

Đối với cây trồng trên đất: Theo các đương sự trình bày thì toàn bộ các cây trồng trên các thửa đất là do ông Q và bà L trồng, bà M và bà B trình bày nếu được nhận phần đất nào thì hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Q, bà L.

Như vậy giá trị toàn bộ di sản thừa kế là 17.438.909.932đồng, được chia cho ba người gồm ông Nguyễn Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Kim M và bà Nguyễn Thị Kim B. Như vậy mỗi người nhận được là 17.438.909.932 đồng : 3 = 5.812.969.977đồng.

Trong đó:

Bà Nguyễn Thị Kim M được nhận là: Thửa đất số 101 là 2.000.000.000đồng; một phận thửa đất 100 là 9.475.671đồng/m^2 x 42.2m^2 = 399.873.316đồng; một phần thửa đất số 07 là 300.000đồng/m^2 x 369.2m^2 = 110.760.000đồng; thửa đất số 08 là 113.000.000đồng; thửa đất số 8b là 536.000.000đồng; thửa đất số 11 là 940.000.000đồng và thửa đất số 279 là 536.800.000đồng. Tổng giá trị các thửa đất là: 4.636.433.316đồng.

Ông Nguyễn Ngọc Q được nhận là: Một phận thửa đất 100 là 9.475.671đồng/m^2 x 434.6m^2 = 4.118.126.616đồng; một phần thửa đất số 07 là 300.000đồng/m^2 x 278.5m^2 = 83.550.000đồng; thửa đất số 8a là 362.200.000đồng; thửa đất số 10 là 1.205.800.000đồng. Tổng giá trị di sản nhận được là: 5.769.676.616đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim B được nhận thửa đất số 278 có giá trị là 7.032.800.000đồng.

Do bà Nguyễn Thị Kim B được nhận phần di sản có giá trị nhiều hơn so với phần được hưởng nên bà B phải hoàn lại phần chênh lệch cho ông Q là 43.293.361đồng và hoàn lại nhận phần chênh lệch cho bà M là 1.176.536.661đồng.

Đối với tài sản của ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim L trên các thửa đất mà bà Nguyễn Thị Kim M và bà Nguyễn Thị Kim B được nhận là cây trồng nên không di dời được nên cần giao cho bà M và bà B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng và bà M và bà B có trách nhiệm thanh toán lại giá trị tài sản cho ông Q, bà L theo giá Hội đồng định giá tài sản đã xác định tại Biên bản định giá ngày 02/12/2021. Cụ thể:

Toàn bộ tài sản trên các diện tích đất bà Nguyễn Thị Kim M được nhận gồm: Thửa đất số 101 là 6.780.000đồng; thửa đất số 279 là 53.870.000đồng; thửa đất số 08 là 11.100.000đồng; thửa đất số 08b là 19.700.000đồng; thửa đất số 11 là 55.500.000đồng. Tổng giá trị tài sản là: 146.950.000đồng.

Tổng giá trị tài sản trên thửa đất số 278 bà Nguyễn Thị Kim B được nhận là 296.863.200đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế. Bà Nguyễn Thị Kim M và Nguyễn Thị Kim B phải chịu án phí đối với số tiền hoàn trả giá trị tài sản cho ông Q, bà L.

Đối với các chi phí tố tụng khác thì nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nộp đủ và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Điều 609, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Kim M.

Giao cho bà Nguyễn Thị Kim M được quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và sở hữu toàn bộ tài sản trên các diện tích đất đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m^2 và một phần diện tích của thửa đất số 100 (phần tiếp giáp giữa thửa đất số 101 và thửa đất số 07), diện tích 42,2m^2 thuộc Giấy CNQSD đất số C 792001 cấp ngày 24/7/1995 đứng tên ông Nguyễn Văn Th; một phần thửa đất số 07 (phần tiếp giáp với một phần chữ "L" của thửa 101 và thửa số 08) diện tích 369,2m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988 cấp ngày 27/3/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1; thửa đất số 08, diện tích 565m^2, thửa đất số 8b, diện tích 2.680m^2; thửa đất số 11, diện tích 4.700m^2 và thửa đất số 279, diện tích 2.684m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 cấp ngày 10/4/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1. (*có bản vẽ kèm theo*)

Giao cho ông Nguyễn Ngọc Q được quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và sở hữu toàn bộ tài sản trên các diện tích đất đối với diện tích 434,6m^2 thuộc thửa đất số 101 (đã trừ phần đất giao cho bà M) thuộc Giấy CNQSD đất số C 792001 cấp ngày 24/7/1995 đứng tên ông Nguyễn Văn Th; một phần của thửa đất số 07, diện tích 278,5m^2 (đã trừ phần diện tích giao cho bà M) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484988 cấp ngày 27/3/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1; thửa đất số 8a, diện tích 1.811m^2 và thửa đất số 10, diện tích 6.029m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484980 cấp ngày 10/4/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1 (*có bản vẽ kèm theo*).

Giao cho bà Nguyễn Thị Kim B được quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất số 278, diện tích 17.582m^2, tờ bản đồ số 23, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484989 cấp ngày 17/3/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1.

Bà Nguyễn Thị Kim B phải hoàn lại giá trị chênh lệch di sản thừa kế được hưởng cho bà Nguyễn Thị Kim M với số tiền là 1.176.536.661đồng (*Một tỷ một*

trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi mốt đồng) và ông Nguyễn Ngọc Q với số tiền là 43.293.361đồng (*Bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi mốt đồng*).

Bà Nguyễn Thị Kim M, ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim B được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động sang tên theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Kim M phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim L với số tiền là 146.950.000đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Kim B phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Kim L với số tiền là 296.863.200đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu 121.160.469 đồng án phí DSST được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0002577 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân nên bà M còn phải nộp thêm số tiền là 113.660.469đồng.

Ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 113.812.969đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 128.656.129đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Tân;
-THA dân sự huyện Hàm Tân;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Anh Dũng